

TÔN GIÁO VÀ CHUYỂN ĐỔI NĂNG LƯỢNG: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP NAM MỸ**

Tóm tắt: Mục tiêu của xã hội trên toàn cầu là hướng tới chuyển đổi các mô hình sản xuất và tiêu thụ năng lượng bền vững. Nhân tố tôn giáo đã hỗ trợ những gì cho sự chuyển đổi hướng tới các mô hình năng lượng bền vững và năng lượng tái tạo? Đây là câu hỏi mà các nhà nghiên cứu khoa học xã hội chỉ mới bắt đầu đi tìm câu trả lời. Ở khu vực Mỹ Latin, vấn đề này cũng mới được đặt ra. Bài viết cố gắng tìm lời giải cho câu hỏi đó, bắt chước bản chất phức tạp của định nghĩa về Tôn giáo và Tình cảm tôn giáo (Religiosité). Đề tài được tiến hành theo phương pháp luận tổng hợp (une méthodologie mixte), tác giả phân tích cuộc khảo sát đã được thực hiện trên toàn quốc trong giới sinh viên các trường đại học của Chile. Tác giả khảo cứu mối quan hệ giữa tình cảm tôn giáo, tuyên bố sự lựa chọn tôn giáo và một số chiều kích của chuyển đổi năng lượng như: hiệu quả năng lượng, năng lượng tái tạo và các mô hình xã hội tiêu thụ năng lượng bền vững. Qua đó, tác giả đã nhận ra rằng tôn giáo đóng vai trò nhất định trong sự chuyển đổi này, nhưng không có sự đồng nhất: Nhiều xu hướng cho thấy rằng, các tín đồ Công giáo, tín đồ thuộc các giáo hội Phúc Âm (les évangéliques)[†] và các

* Đại học Santiago de Chile, Chile.

** Bài viết này được đăng trên Tạp chí quốc tế Xã hội học Tôn giáo: *Social Compass* 2015, Vol. 62(3) 344-361, với tựa đề: *Religion et transition énergétique: une étude en Amérique du Sud*.

[†] Chủ nghĩa Phúc Âm (Evangelicalism), cũng gọi là phái Phúc Âm hay phong trào Tin Lành, là thuật từ thường được dùng để chỉ một trào lưu liên hệ phái thuộc cộng đồng Kháng Cách với các đặc điểm: tập chú vào nỗ lực truyền bá Phúc Âm, trải nghiệm quy đạo, lời chứng về đức tin cá nhân, và có quan điểm truyền thống về Kinh Thánh, duy trì quan điểm rằng trọng tâm của phúc âm chứa đựng trong giáo lý về sự cứu rỗi bởi đức tin vào sự đền tội của Chúa Giê-xu. Phong trào đạt được đà phát triển mạnh trong các thế kỷ XVIII và XIX với sự xuất hiện của phong trào

thành viên của các giáo hội truyền giáo (églises missionnaires) không hỗ trợ sự chuyển đổi năng lượng, trong khi những người không phải tín đồ tôn giáo lại ủng hộ, tuy xu hướng này còn yếu. Tác giả phân tích các xu hướng, xem xét ý nghĩa của từng xu hướng và đưa ra sự diễn giải, phân loại. Sự diễn giải của tác giả cho thấy sự cần thiết có nghiên cứu sâu hơn về mối quan hệ giữa tôn giáo và sự thay đổi lối sống hướng tới các mô hình năng lượng bền vững.

Từ khóa: Tôn giáo và tiêu thụ năng lượng; chuyển đổi năng lượng; tôn giáo và chuyển đổi năng lượng; tôn giáo và lối sống; tôn giáo và năng lượng tái tạo.

Tôn giáo và chuyển đổi năng lượng

Sự chuyển đổi năng lượng (Rohracher, 2008) hướng tới các mô hình sản xuất và tiêu thụ bền vững và phi carbon dường như là một phương cách để ứng phó với sự ấm lên của khí hậu (GIEC, 2007; Ferrari và các tác giả khác, 2012). Khái niệm này được bắt đầu từ vài thập niên vừa qua tại Châu Âu và tại một số nước phát triển, và do vậy, đó là mục tiêu của nhiều nghiên cứu (Geels, 2013). Nhưng tại khu vực Mỹ Latinh, sự chuyển đổi này là khá mới mẻ và ít được nghiên cứu.

Dù cho mối quan hệ giữa tôn giáo và môi trường đã được đề cập trong vài thập kỷ vừa qua và với nhiều cách tiếp cận khác nhau (Tucker và Grim, 2001; Jenkins và Chapple, 2011), tôn giáo và sự

Giám lý và các cuộc Đại Tỉnh thức tại quần đảo Anh và Bắc Mỹ, cũng như chịu ảnh hưởng từ phong trào Sùng tín, Giáo hội Moravia, Giáo hội Trưởng lão và Thanh giáo. Từ cuối thế kỷ XVIII, những cuộc phục hưng khởi phát trong vòng các giáo phái khác nhau được gọi chung là trào lưu Phúc Âm. John Wesley được xem là người có ảnh hưởng lớn trong việc hình thành và phát triển phong trào Phúc Âm. Phong trào lan truyền sang các khu định cư tại Mỹ, rồi từ đó phát triển đến nhiều nơi trên thế giới. Đến thập niên 1820, đức tin Phúc Âm chủ nghĩa lan tỏa trên khắp nước Mỹ và tạo lập ảnh hưởng đáng kể trên tiến trình hình thành các định chế xã hội cho đất nước này. Đặc điểm của phong trào này là nhấn mạnh vào trải nghiệm quy đạo của mỗi cá nhân, lòng sùng tín và sự chuyên cần nghiên cứu Kinh Thánh. Họ cũng quan tâm đến các vấn đề đạo đức xã hội như sự tiết độ, các giá trị gia đình, và chống chủ trương sở hữu nô lệ. Họ bác bỏ tính hình thức trong thờ phụng và trong thần học, cung cấp cho tín hữu và phụ nữ những vai trò quan trọng trong thờ phụng, truyền bá Phúc Âm, giảng dạy, và lãnh đạo. (Người dịch trích từ Wikipedia).

chuyển đổi năng lượng vẫn là một chủ đề chưa được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng. Cũng không thể phủ nhận được rằng, chúng ta còn xa mới khảo sát được một cách rõ ràng hành động của các tôn giáo và các giáo hội về chuyển đổi năng lượng, ngoại trừ một vài nghiên cứu tại khu vực Mỹ Latinh. Vấn đề năng lượng hầu như không phải là mối quan tâm lo lắng của các tôn giáo.

Trong công trình này, chúng tôi nghiên cứu về việc các sinh viên đại học của Chile thể hiện mối quan hệ giữa tôn giáo, các hành động xã hội (*représentations sociales*), thực tiễn về cách thức tiêu thụ năng lượng và chuyển đổi hướng tới hiệu quả sử dụng năng lượng và năng lượng tái tạo.

Nghiên cứu về các sinh viên đại học với tôn giáo, biến đổi khí hậu và chuyển đổi năng lượng

Các công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa các sinh viên đại học và môi trường đã được thực hiện tại khu vực Mỹ Latinh. Tuy nhiên, nhìn chung còn thiếu nghiên cứu thực nghiệm về tôn giáo và môi trường, về tôn giáo và chuyển đổi năng lượng. Dựa trên các tài liệu về chủ đề này, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều nghiên cứu áp dụng quan điểm tâm lý xã hội dựa trên cơ sở định lượng để đo lường thái độ và nhận thức (Schultz và Zelezny, 1999; Cerda và các tác giả khác, 2007; Sanehez và các tác giả khác, 2009; Gauna, 2011). Mặt khác, các nghiên cứu định tính về các hành động xã hội và môi trường là ít hơn (Flores, 2013). Thật vậy, tôi đã không tìm thấy các nghiên cứu gần đây về sự biến đổi khí hậu và sinh viên Mỹ Latinh, ngoại trừ những nghiên cứu chính tôi đã thực hiện trước đó (Parker, 2011a, 2011b; Parker và Munoz, 2012; Parker và các tác giả khác, 2013). Tôi cũng đã thực hiện các nghiên cứu thực nghiệm về mối quan hệ giữa tôn giáo và môi trường, tôn giáo và sự biến đổi khí hậu (Parker, 2010a, 2010b, 2012).

Trong các công trình trước đây của mình, tôi đã kết luận rằng các tôn giáo thiết chế chặt chẽ (*les religions établies*) dường như không chuyển hướng sang ủng hộ, khuyến khích mô hình hỗ trợ quan điểm sinh thái trong tâm lý và ý thức chung của sinh viên trẻ (các trường đại học và trung học ở Chile). Cụ thể hơn, các tôn giáo thiết chế chặt

chế, đặc biệt là Công giáo (cũng như Do Thái giáo và đạo Tin lành) đã quan tâm tới sự cân bằng - một cách khéo léo tinh tế - hướng tới tình trạng kém thân thiện với môi trường (*moins écologiques*) và tái khẳng định quan điểm cổ điển rằng thiên nhiên đã được ban cho nhân loại để nhân loại sử dụng thiên nhiên theo ý muốn (Parker, 2012).

Nhìn chung, chúng tôi không tìm thấy nghiên cứu thực nghiệm về vấn đề tôn giáo và quá trình chuyển đổi năng lượng. Tình trạng này có lẽ là do các giáo hội và trung tâm nghiên cứu ít quan tâm tới chủ đề này (Rasmussen và các tác giả khác, 2011).

Để tiếp cận vấn đề này, tôi quyết định tập trung vào các sinh viên đại học Chile. Đây là tầng lớp xã hội quan trọng trong quá trình phát triển của các xã hội bởi vì tầng lớp trung lưu đang gia tăng trong xã hội Chile và Nam Mỹ (Boccardo, 2010). Chúng ta có thể nhận thấy điều này thông qua tỷ lệ được đi học cao, bao gồm cả đại học, Chile đạt tỷ lệ 59% năm 2013 (UNDP, 2013). Hiện tại, 60% sinh viên đại học là thế hệ đầu tiên của gia đình vào đại học. Chúng ta đang đề cập tới thành phần của các phong trào sinh viên ngày nay và các loại hình nghề nghiệp mới xuất hiện sẽ hình thành giai cấp trung lưu và/hoặc lãnh đạo của đất nước trong tương lai.

Tập hợp các yếu tố đã nêu trên khiến chúng tôi đặt câu hỏi làm thế nào tôn giáo có thể được coi là một nhân tố dẫn tới sự thay đổi hướng tới tính bền vững. Cụ thể hơn, bằng cách tập trung sự chú ý của chúng tôi vào các đối tượng nghiên cứu, câu hỏi mà tôi đặt ra trong bài viết này như sau: Liệu chiều kích tôn giáo có khuyến khích hướng tới các mô hình xã hội về tiêu thụ năng lượng bền vững trong các sinh viên đại học Chile?

Trong bối cảnh này, khi đi tìm câu trả lời cho câu hỏi chính của mình, tôi sẽ bắt đầu với giả thiết rằng có sự nổi trội hơn của các hành động xã hội (*représentations sociales*) ủng hộ môi trường và hướng tới các mô hình tiêu thụ năng lượng bền vững trong giới sinh viên Chile (Parker và Munoz, 2012). Tuy nhiên, những định hướng hỗ trợ quá trình chuyển đổi năng lượng theo hướng bền vững sẽ bị liên kết một cách tiêu cực với tôn giáo, liên quan đến những trở ngại trong việc chuyển đổi sang các mô hình tiêu thụ năng lượng bền vững.

Giả thiết này được đưa ra phù hợp với những gì công trình của Lynn White (1967) đã khẳng định theo cách cổ điển gần nửa thế kỷ trước, rằng Kitô giáo có thể mâu thuẫn với các giá trị sinh thái. Thay vì tạo ra các định hướng ủng hộ và bảo vệ môi trường, liệu Kitô giáo có hợp thức hóa quan điểm “cứng rắn” lấy con người là trung tâm (vision “dure” anthropocentrique[‡]) trong sự thống trị và khai thác thiên nhiên, khuynh hướng này được thể tục hóa bởi khoa học và công nghệ đương đại.

Cần lưu ý rằng tuyên bố lặp đi lặp lại rộng rãi của White (tôn giáo - và đặc biệt là Kitô giáo - mâu thuẫn với lập trường thân thiện môi trường) đã đối lập với nhiều công trình trong các bối cảnh khác nhau và đã không bị bác bỏ hoặc không được xác nhận một cách rõ ràng (Proctor và Berry, 2005). Nói chung, kết quả thu được mang tính hỗn hợp (Dekker và các tác giả khác, 1997). Trong khi Dekker và các tác giả khác đã quan sát thấy rằng Kitô giáo không phải là ảnh hưởng duy nhất đến thái độ đối với môi trường, do đó không thể quy kết tất cả lỗi cho Kitô giáo trong cuộc khủng hoảng môi trường (giống như White đã làm), Greeley (1993) đã chỉ ra rằng những hình ảnh thân thiện của Thiên Chúa và trào lưu chính thống Kinh Thánh (le fondamentalisme biblique[§]) có những ảnh hưởng trái ngược và sự hoài nghi đó đã dẫn đến xu hướng ủng hộ các quan điểm sinh thái.

Phương pháp luận

Các nghiên cứu về tôn giáo và môi trường đã gặp khó khăn khi đề cập tới một vấn đề phức tạp dựa trên phương pháp định lượng (Proctor và Berry, 2005), những khó khăn bắt đầu với việc xác định rõ tình cảm tôn giáo và môi trường (la religiosité et l’environnement). Hơn nữa, các vấn đề được đặt ra đó là thang đo được thực hiện trên cơ sở chủ nghĩa

[‡] Anthropocentrisme: Hệ thống hoặc quan điểm đặt con người vào trung tâm của vũ trụ và cho rằng mọi thứ liên quan đến con người (Người dịch trích theo từ điển La Rousse).

[§] Trào lưu chính thống Kinh Thánh hoặc phép trực giải là một cách để đọc và áp dụng các văn bản Kinh Thánh giống như chúng được viết để trả lời một câu hỏi cụ thể trong tình hình hiện nay (Người dịch trích từ trang web của Église protestante Unie de France communion luthérien et réformée, truy cập ngày 14 tháng 5 năm 2020).

cá nhân phương pháp luận (l'individualisme méthodologique) trong các cuộc khảo sát. Đó là lý do tại sao với công trình nghiên cứu này tôi sẽ thử áp dụng một cách tiếp cận khác, tâm lý xã hội (psychosocial) dựa trên thang đo thái độ và mối tương quan nhân tố (Castanedo, 1995). Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở mô hình lý thuyết - phân tích (paradigme théorico-analytique) từ các hành động xã hội (Moscovici, 1988; Hoijer, 2011) bao gồm những cấu trúc xã hội thông thường (Bergeret Luckman, 1986) nhắm vào các sinh viên đại học ở Chile. Nghiên cứu thực địa đã được thực hiện tại mười thành phố lớn nhất nước này trong nửa cuối năm 2013 và bao gồm mẫu đại diện (N = 1 217) của 14 trong tổng số 25 trường đại học chính của Chile.

Đối với nghiên cứu về tôn giáo và sự chuyển đổi năng lượng trong các sinh viên đại học, tôi đã sử dụng một phương pháp với sự kết hợp định lượng - định tính (Cresvvel, 2009), bởi vì nếu nghiên cứu chủ yếu dựa trên khảo sát (định lượng), thì nghiên cứu đó cần phải sử dụng phân tích định tính chi tiết, sáng tạo và tính đến các nguồn tài liệu thứ cấp để làm phong phú cho việc diễn giải.

Tôi đã phân tích xem liệu các bài diễn văn của những nhân vật chủ chốt (acteurs) - được tái cấu trúc từ kết quả phân loại học các câu trả lời - có thể hiện quan điểm hướng tới hiệu quả năng lượng, năng lượng tái tạo và mô hình tiêu thụ bền vững, tất cả đều là chỉ báo của sự chuyển đổi năng lượng. Về tôn giáo, hai chỉ báo cơ bản đã được sử dụng: sự xác nhận tình cảm tôn giáo và sự tự nhận thuộc về một tôn giáo nào đó.

Kết quả nghiên cứu

Tôi đã phỏng vấn các sinh viên về mối quan tâm lo lắng của họ về mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng do khí hậu ấm lên. Được tiến hành với một loạt các câu hỏi liên quan đến các chiều kích khác nhau của chuyển đổi năng lượng để đưa ra kết luận với sự phân tích phân loại.

Mối quan tâm tới sự biến đổi khí hậu

Nhìn chung, các sinh viên thể hiện mức độ quan tâm cao tới sự biến đổi khí hậu: 52% biểu hiện mức độ quan tâm cao.

Liên quan tới tình cảm tôn giáo và quan điểm với biến đổi khí hậu: Một khuynh hướng yếu nhưng phân cực xuất hiện, trong đó có hai thái cực, tình cảm tôn giáo mức độ cao và thấp, thể hiện mối quan tâm nhất đối với biến đổi khí hậu. Những người tuyên bố tình cảm tôn giáo cao cho rằng biến đổi khí hậu là một yếu tố cần quan tâm lo lắng đạt 7,65 điểm (thang điểm từ 1 đến 10). Đối với những người tuyên bố tình cảm tôn giáo trung bình coi biến đổi khí hậu là một yếu tố cần quan tâm lo lắng đạt 7,14 điểm và con số 7,34 đối với những người tuyên bố tình cảm tôn giáo thấp. Các mối liên hệ là quan trọng, nhưng yếu ($C=0,097$; $p=0,04$).

Liên quan tới sự tự xác nhận thuộc về tôn giáo, những người tuyên bố thuộc về “một tôn giáo khác” (7,61) hoặc thuộc về các giáo hội truyền giáo (églises missionnaires) bao gồm: Chứng nhân Jehovah, Mormon (Mặc môn), Cơ Đốc Phục lâm (7,58), những người bất khả tri (7,54), họ là những người quan tâm nhất tới biến đổi khí hậu.

Những người thể hiện sự ít quan tâm lo lắng tới biến đổi khí hậu là những người Phúc Âm (7,21), những người có niềm tin nhưng không thuộc về tôn giáo nào (tin nhưng không theo) (7,22) và những người tự nhận là Công giáo (7,24). Những tín đồ Công giáo (7,37) và những người vô thần/không phải là tín đồ tôn giáo (7,46) thể hiện sự quan tâm ở mức trung bình.

Quan điểm về hiệu quả năng lượng, năng lượng tái tạo và giảm khí thải

Để tìm ra mức độ ủng hộ các xu hướng chuyển đổi năng lượng, tôi đã xây dựng một bảng câu hỏi liên quan tới:

Sử dụng năng lượng tái tạo

Tăng hiệu quả sử dụng năng lượng

Giảm tiêu thụ năng lượng

Sử dụng công nghệ để tạo ra các chế phẩm từ dầu lửa bền vững hơn.

Tôi đã phỏng vấn các sinh viên để biết ý kiến của họ về việc họ có sẵn sàng trả thuế hỗ trợ cho năng lượng tái tạo hay không. Câu trả lời chi tiết trong Bảng 1.

Nhìn chung, như chúng ta nhận thấy, sự khác biệt là rất nhỏ và đối với hầu hết các câu hỏi, các mối liên hệ là không đáng kể. Chúng ta cũng nhận thấy tương phản giữa sự ủng hộ tuyệt đối bằng lời nói cho năng lượng tái tạo (98,8%) và chỉ một phần ba mẫu (34,9%, $p = 0,002$) sẵn sàng trả thuế để trợ cấp cho năng lượng tái tạo. .

Nhóm sẵn sàng đóng thuế nhất là thành viên của các giáo hội truyền giáo, tiếp theo là những người vô thần/ không niềm tin và bất khả tri. Nhóm kém sẵn sàng nhất trong việc đóng góp tài trợ cho sự chuyển đổi sang năng lượng tái tạo thuộc về các tín đồ Phúc Âm. Mức độ ủng hộ cho hiệu quả sử dụng năng lượng ở những người bất khả tri là cao nhất, trong khi ở các tín đồ Phúc Âm và thành viên của các giáo hội truyền giáo là thấp nhất.

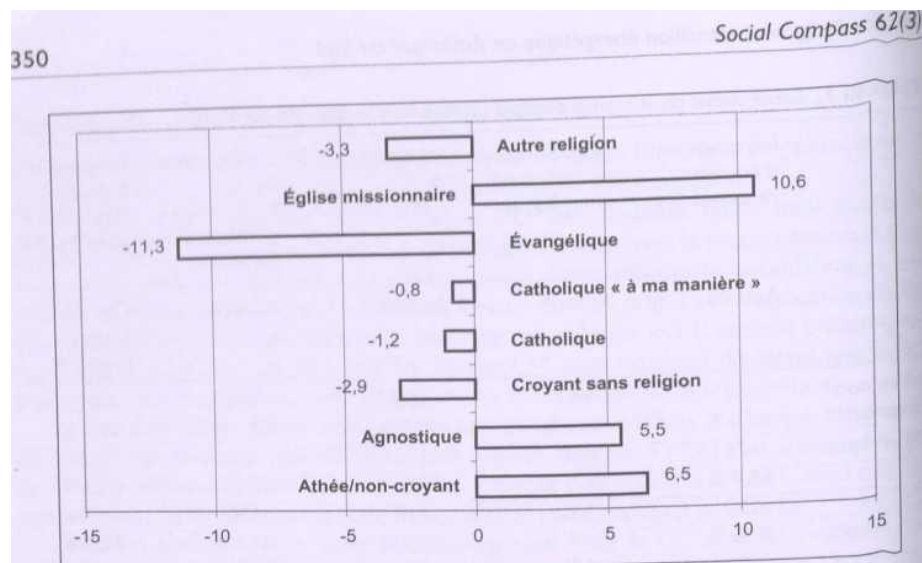
Để nghiên cứu sâu về sự ủng hộ năng lượng tái tạo, tôi sẽ phân tích chi tiết vấn đề nguồn thu từ thuế để tài trợ cho các khoản trợ cấp, tiếp đó là vấn đề về loại hình năng lượng mà người trả lời phỏng vấn cho là thích hợp hơn với các nguồn năng lượng của quốc gia mình.

Bảng 1. Chiều kích của sự chuyển đổi năng lượng tùy thuộc vào tôn giáo

	Sử dụng năng lượng tái tạo	Tăng hiệu quả năng lượng	Giảm tiêu thụ	Sử dụng công nghệ đầu mô bền vững	Khả năng trả thuế cho năng lượng tái tạo
	Đồng ý	Đồng ý	Đồng ý	Đồng ý	Rất đồng ý
Vô thần / không niềm tin	153 100,0%	140 92,1 %	150 98,0 %	105 69,1 %	62 41,3%
Bất khả tri	175 98,9 %	168 94,9 %	171 97,2 %	120 68,2 %	71 40,3 %
Tin nhưng không theo	220 99,5 %	202 91,4%	217 98,2 %	150 67,9 %	70 32,0 %
Công giáo	182 97,3 %	170 91,9%	184 97,9%	131 70,1 %	61 33,7 %
Tự nhận là người Công giáo	235 98,7 %	214 89,9 %	230 96,6 %	186 78,5 %	80 34,0 %

Phúc Âm	88 98,9 %	78 87,6 %	89 100,0%	64 72,7 %	21 23,6 %
Giáo hội truyền giáo	21 95,5 %	18 81,8%	19 86,4 %	18 81,8%	10 45,5%
Tôn giáo khác	38 100,0 %	34 91,9 %	37 97,4%	24 64,9%	12 31,6%
TỔNG CỘNG	1112 98,8 %	1024 91,3 %	1097 97,5 %	798 71,3 %	387 34,9 %
C =	0,135	0,141	0,165	0,138	0,173
p =	0,467 %	0,352 %	0,067 %	0,406 %	0,002 %

Hình 1. Sẵn sàng trả thuế để trợ cấp năng lượng tái tạo theo từng tôn giáo (sự khác biệt với sự phân bố trung bình, thang đo 1-100).



Autre religion = Các tôn giáo khác

Église missionnaire = Giáo hội truyền giáo

Évangélique = Phúc Âm

Catholique “à ma manière” = Tự nhận là người Công giáo/ người Công giáo “theo cách riêng của tôi”

Catholique = Công giáo

Croyants sans religion = Tin nhưng không theo

Agnostique = Bất khả tri

Athées/non-croyant = Vô thần/ không niềm tin (tôn giáo)

Phân tích sự khác biệt của từng tôn giáo với sự phân bố trung bình (Hình 1) cho phép chúng ta nhận biết rõ hơn ($C = 0,174$; $p = 0,002$) ở các tín đồ Phúc Âm có xu hướng sẵn sàng thấp nhất trong việc trả thuế để trợ cấp năng lượng tái tạo (-11,3) sau đó là thành viên của các tôn giáo khác (-3,3). Ngược lại, sự sẵn sàng cao nhất được nhận thấy trong số các thành viên của các giáo hội truyền giáo (+10,6), sau đó là những người vô thần/ không niềm tin (+6,5) và bất khả tri (+5,5). Ngoại trừ các thành viên của các giáo hội truyền giáo, tất cả tín đồ các tôn giáo khác đều miễn cưỡng đóng góp các khoản trợ cấp cho năng lượng tái tạo.

Để phân tích chi tiết hơn quan điểm về năng lượng tái tạo và so sánh quan điểm đó với quan điểm về năng lượng gây ô nhiễm, chúng tôi đã thiết kế một số câu hỏi. Nhìn chung, năng lượng tái tạo độc đáo (năng lượng mặt trời, gió, địa nhiệt) được ưa thích rộng rãi. Ngược lại, năng lượng gây ô nhiễm (nhiệt điện từ than, dầu hoặc khí) ít được đánh giá cao.

Thông qua việc so sánh các biến số (Bảng 2), chúng ta thấy rằng, những người vô thần/ không niềm tin và những người có niềm tin nhưng không thuộc về tôn giáo nào có xu hướng tỷ lệ thuận cao hơn đối với năng lượng tái tạo độc đáo, các thành viên thuộc các giáo hội truyền giáo và các tôn giáo khác tỷ lệ thuận thấp hơn. Có tính đến sự khác biệt trong phân bố giá trị giữa năng lượng gây ô nhiễm và năng lượng tái tạo, những người vô thần/ không có niềm tin liên kết chặt chẽ nhất với quan điểm ủng hộ năng lượng tái tạo độc đáo và chống lại năng lượng gây ô nhiễm. Ngược lại, những người Phúc Âm có khuynh hướng yếu đối với năng lượng gây ô nhiễm và chống lại năng lượng tái tạo.

Bảng 2. Lựa chọn loại hình năng lượng: tái tạo hoặc gây ô nhiễm

	Gây ô nhiễm*	Tái tạo **	Khác biệt	Khác biệt	
Vô thần/ không niềm tin	6,5	81,3	-2,6	7,8	sự liên kết
Bất khả tri	12,0	75,9	2,9	2,4	
Tin nhưng không theo	8,7	78,3	-0,4	4,8	sự liên kết
Các tôn giáo khác	8,4	65,0	-0,7	-8,5	

Giáo hội truyền giáo	6,7	69,2	-2,4	-4,3	
Phúc âm	10,7	72,2	1,6	-1,3	sự liên kết
Tự nhận là người Công giáo	11,2	73,9	2,1	0,4	
Công giáo	8,7	71,9	-0,4	-1,6	
Trung bình	9,1	73,5	0,0	0,0	

*= nhiệt điện từ than, dầu hoặc khí đốt

**= năng lượng mặt trời, gió, địa nhiệt

Tôn giáo và các mô hình xã hội tiêu thụ năng lượng

Để đo lường các mô hình xã hội tiêu thụ năng lượng, tôi đã áp dụng phương pháp phân tích theo cụm với nhiều câu hỏi khác nhau đề cập đến thực tế tiêu dùng hằng ngày, trong đó có năng lượng. Trong bài viết này, tôi phân tích các tài liệu tham khảo về tiêu thụ năng lượng trực tiếp (nơi cư trú hoặc giao thông) (Lenzen và các tác giả khác, 2008).

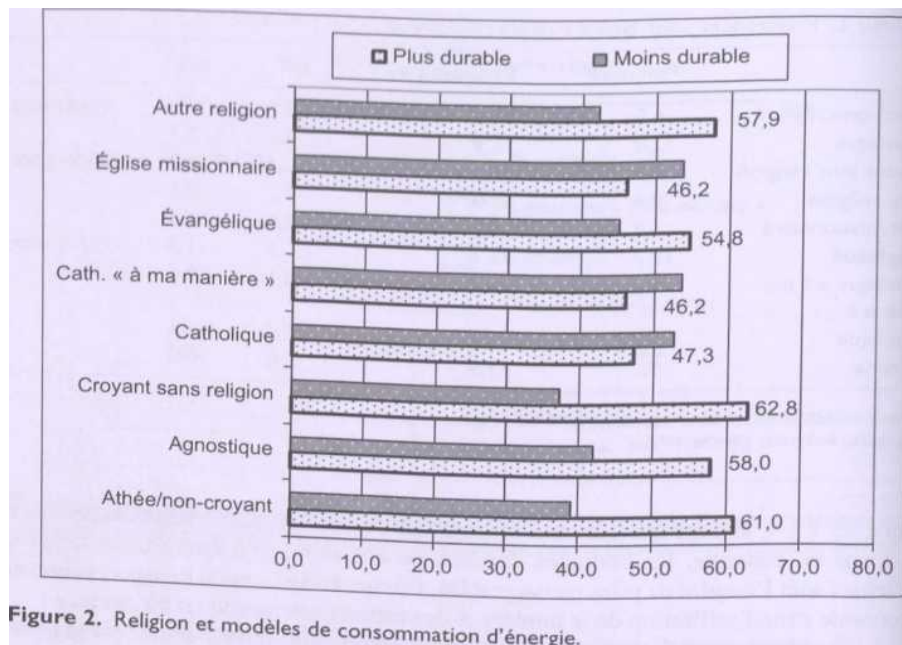
Người trả lời phỏng vấn được yêu cầu trả lời các câu hỏi sau, theo thang điểm từ 1 đến 4, “Bạn có phải là người có thói quen...”:

1. Sử dụng bóng đèn tiết kiệm năng lượng thay vì bóng đèn thông thường?
2. Đi bộ hoặc đạp xe đạp thay vì sử dụng phương tiện giao thông đốt nhiên liệu?
3. Tắt đèn và các thiết bị điện để tiết kiệm năng lượng?
4. Sử dụng pin sạc thay vì pin dùng một lần?
5. Đóng cửa sổ và cửa ra vào khi trời lạnh hoặc bạn không quan tâm đến điều đó?

Việc lập bảng về các tần số đơn cho chúng ta thấy rằng, các hoạt động tiêu thụ năng lượng bền vững nhìn chung chưa được khái quát hóa (Seyfang, 2009). Trên thang điểm từ 1 đến 4, không có năng lượng thay thế nào được đề cập với điểm trung bình lớn hơn 2,1. Trong bối cảnh này, trên thực tế tiêu thụ năng lượng bền vững phổ biến nhất là sử dụng pin sạc, sử dụng xe đạp hoặc vận chuyển bằng cách đi bộ, và tiết kiệm thông qua việc sử dụng các thiết bị gia dụng dùng điện và thấp sáng.

Năm loại hình năng lượng thay thế được phân loại theo phương pháp cụm để chia thành hai loại: 1) Bền vững hơn (59%) và 2) Kém bền vững hơn (41%). Chúng ta có thể quan sát mối liên hệ giữa tôn giáo và những dữ liệu tiêu thụ năng lượng trong Hình 2.

Hình 2. Tôn giáo và các mô hình tiêu thụ năng lượng



Plus durable = Bền vững hơn; Moins durable = Kém bền vững hơn

Autre religion = Các tôn giáo khác

Église missionnaire = Giáo hội Truyền giáo

Évangélique = Phúc Âm

Cath. “à ma manière” = Tự nhận là người Công giáo/ người Công giáo “theo cách riêng của tôi”

Catholique = Công giáo

Croyants sans religion = Tin nhưng không theo

Agnostique = Bất khả tri

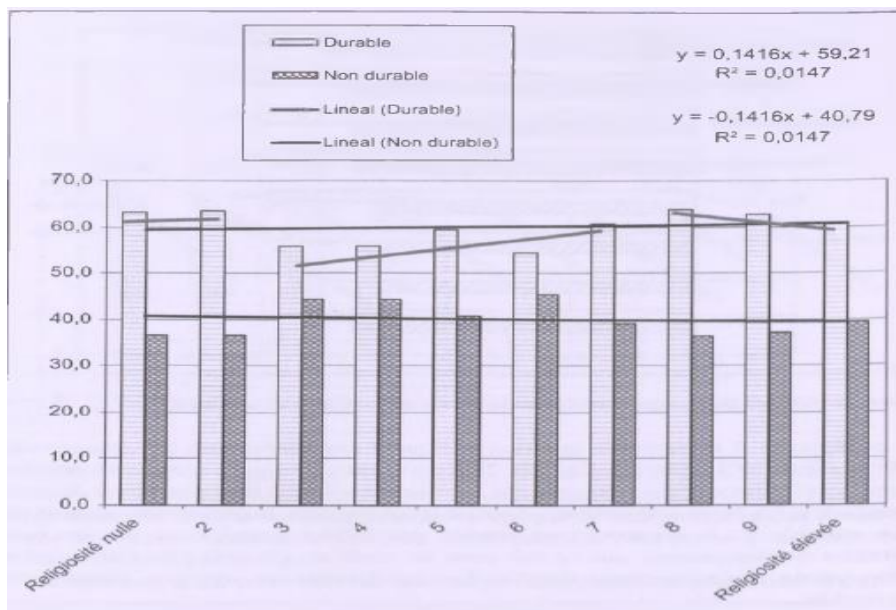
Athées/non-croyant = Vô thần/ không niềm tin (tôn giáo)

Như đã thấy trong Hình 2, các thành viên của các tôn giáo thể tục hóa hơn, những người vô thần/ không niềm tin, những người tin nhưng không theo và những người bất khả tri có xu hướng thực hiện tiêu thụ năng lượng bền vững nhiều hơn. Các thành viên của “các tôn giáo khác” cũng thuộc về nhóm này. Tín hữu Công giáo và các thành viên thuộc giáo hội truyền giáo (Mormon, Chứng nhân Jehovah và Cơ Đốc Phục Lâm) là những người thể hiện mối liên hệ mạnh nhất với các hoạt động tiêu thụ năng lượng không bền vững. Những người Phúc Âm ở vị trí trung gian, nhưng có xu hướng hướng tới các mô hình bền vững hơn.

Sau đó tôi đã phân tích so sánh giữa sự tự xác nhận tôn giáo (la religion déclarée) và sự bảo trợ tiêu thụ năng lượng bền vững.

Bảng về tính ngẫu nhiên tương ứng chỉ ra rằng, không có mối tương quan tuyến tính ($C = 0,068$; $p = 0,858$). Tuy nhiên, phân tích chi tiết, như được trình bày trong Hình 3, cho thấy thực sự có một mối liên hệ khác giữa các cấp độ tình cảm tôn giáo (les degrés de religiosité) và các mô hình tiêu dùng.

Hình 3. Thang đo sự xác nhận tình cảm tôn giáo và các mô hình xã hội tiêu thụ năng lượng



Durable = Bền vững

Non durable = Không bền vững

Lineal (Durable) = Đường tuyến tính (Bền vững)

Lineal (Non durable) = Đường tuyến tính (Không bền vững)

religiosité nulle = tình cảm tôn giáo bằng 0

religiosité élevée = tình cảm tôn giáo cao

Tình cảm tôn giáo mức thấp nhất (cấp độ hai, gần nhất với tình cảm tôn giáo bằng 0) cho thấy mối liên hệ chặt chẽ hơn với các mô hình bền vững. Ngược lại (cấp độ ba, gần nhất với tình cảm tôn giáo cao), chúng ta nhận thấy có một đường đi xuống, có sự liên kết giữa tình cảm tôn giáo tăng dần và giảm tuân thủ các mô hình bền vững, mặc dù xu hướng yếu. Điểm cao nhất liên hệ giữa các mô hình bền vững và tình cảm tôn giáo được tìm thấy ở mức độ 8 (mức độ tình cảm tôn giáo mạnh). Từ cấp độ 3 trở lên đến cấp 8, có một xu hướng nhỏ là sự liên hệ tăng dần giữa sự tăng tình cảm tôn giáo và sự tăng mối liên kết với các mô hình bền vững (mặc dù điều này là không theo quy luật).

Tóm lại, sự tự xác nhận mức độ tình cảm tôn giáo có liên quan đến các mô hình tiêu thụ năng lượng bền vững nhưng theo một cách khác: Những người có mức độ tình cảm tôn giáo cao nhất ngăn cản các thực hành bền vững, những người có mức độ tình cảm tôn giáo thấp nhất (tình cảm tôn giáo bằng 0 hoặc gần bằng 0) khuyến khích các thực hành bền vững. Đối với những người có mức độ tình cảm tôn giáo trung bình (giữa hai cấp độ cao và thấp nêu trên - người dịch/ND chú thích), chúng tôi nhận thấy mối tương quan thuận: Tình cảm tôn giáo cao hơn, các hoạt động tiêu thụ năng lượng bền vững cao hơn.

Mức độ thực hành tôn giáo (tham dự các thánh lễ) không có ảnh hưởng: Việc phân tích so sánh các biến số cho chúng ta thấy rằng các mô hình tiêu thụ năng lượng bền vững không xuất hiện mối liên hệ đáng chú ý nào với mức độ thực hành tôn giáo ($C = 0,007$; $p = 0,098$).

Tôn giáo và sự thay đổi lối sống

Chúng ta đã thấy mối quan hệ giữa tôn giáo, biến đổi khí hậu và

các nhân tố khác nhau liên quan đến quá trình chuyển đổi năng lượng. Nhưng cần phải đi xa hơn vì chủ đề tiêu thụ năng lượng thực chất có liên quan đến lối sống.

Khái niệm lối sống có thể được định nghĩa theo cách tiếp cận văn hóa, trong đó các nhóm người biểu thị và thực hành sản xuất và tái sản xuất cuộc sống của họ trong một bối cảnh xã hội nhất định. Những thay đổi trong lối sống và mô hình tiêu thụ được thúc đẩy bởi sự bảo vệ nguồn tài nguyên (GIEC, 2014: 21) đóng góp tốt hơn cho nền kinh tế tiêu thụ carbon thấp vừa công minh vừa bền vững.

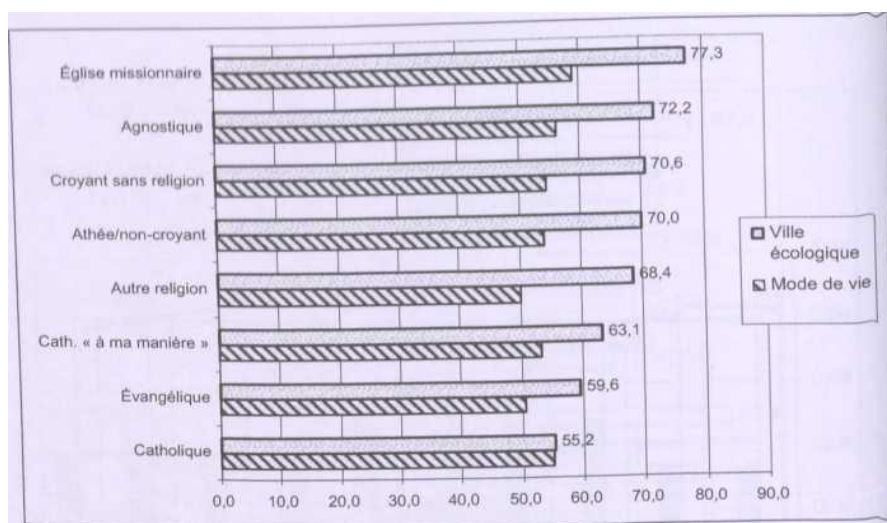
Ý tưởng cho rằng các mô hình tiêu thụ năng lượng hiện tại đang trải qua quá trình chuyển đổi sang các mô hình sạch và bền vững hơn đi kèm với sự thay đổi trong lối sống (Reusswig và các tác giả khác, 2004; Château và Rossetti, 2011; Vilches và các tác giả khác, 2014). Tôi muốn xem liệu các sinh viên đại học có tham gia quá trình chuyển đổi này.

Để khảo cứu các ưu tiên cho lối sống, tôi đã đặt ra hai câu hỏi: *Một câu hỏi về việc sẵn sàng thay đổi lối sống cá nhân trong trường hợp xảy ra một cuộc khủng hoảng dầu khí mới và câu hỏi khác về mong muốn trong tương lai gần được sống tại một thành phố quy hoạch sinh thái với việc sử dụng rộng rãi các công nghệ năng lượng không gây ô nhiễm.*

Các câu trả lời cho câu hỏi đầu tiên cho thấy xu hướng thay đổi lối sống đạt 54,1%. Ngoài ra, 29,7% trả lời: “có thể, chúng ta nên nghĩ về nó”. Với câu hỏi thứ hai, gần hai phần ba trả lời một cách khẳng định (65,9%) và dứt khoát: “vâng, hoàn toàn đồng ý”.

Biến số về tình cảm tôn giáo dường như không ảnh hưởng lớn đến các lựa chọn ủng hộ sự thay đổi, cho dù là lối sống hậu dầu mỏ (post-pétrolier) hay sống trong đô thị với môi trường bền vững. Các hệ số không có ý nghĩa thống kê.

Ngược lại, chúng tôi tìm thấy dữ liệu quan trọng khi phân tích loại tôn giáo của người trả lời. Tôi đã trình bày các kết quả này dưới dạng biểu đồ để dễ hiểu hơn (Hình 4).

Hình 4. Sẵn sàng thay đổi lối sống theo các tôn giáo

ville écologique = thành phố thân thiện môi trường

Mode de vie = lối sống

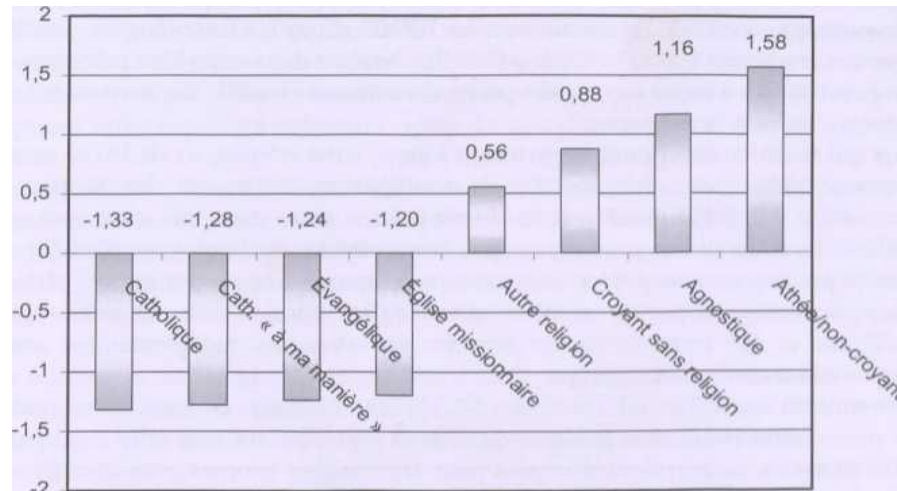
Như chúng ta có thể nhận thấy, sự liên kết giữa loại tôn giáo (của người trả lời-ND) và sự sẵn sàng thay đổi hướng tới lối sống hậu dầu mỏ là rất yếu và không đáng kể ($C=0,114$; $p=0,85$). Nhưng mặt khác, sự liên kết giữa loại tôn giáo (tự xác nhận của người trả lời-ND) và mong muốn sống trong một thành phố thân thiện môi trường là rõ ràng và có ý nghĩa thống kê ($C=0,179$; $p=0,018$): các thành viên của các giáo hội truyền giáo là những người sẵn sàng nhất trong việc sống tại một thành phố thân thiện môi trường trong tương lai (77,3%), tín đồ Phúc Âm (59,6%) và người Công giáo (55,2%) là ít có khuynh hướng nhất. Trong số những người trên mức trung bình, chúng tôi nhận thấy những thành viên thuộc tôn giáo thế tục hóa: bất khả tri, tin nhưng không theo và vô thần/ không niềm tin (tôn giáo), theo thứ tự đó, những người bất khả tri là sẵn sàng nhất trong việc sống tại một thành phố sử dụng năng lượng bền vững.

Tôn giáo và chuyển đổi năng lượng: phân tích phân loại tổng hợp

Tôi đã thực hiện một phân tích tổng hợp có tính đến tất cả các biến số mà tôi đã phân tích và tôn giáo của người trả lời. Trước tiên, tôi tái thiết một ma trận dữ liệu. Đối với việc phân loại, tôi dựa vào các xu

hướng ngoại biên quan sát được trong mỗi bảng mang tính ngẫu nhiên, các hệ số có ý nghĩa, trọng số tương đối của từng biến và cuối cùng là logic phân bố dữ liệu theo tiêu chí định tính. Điểm tương đối có trọng số cuối cùng (thang điểm từ +2 đến -2) được hiển thị bên dưới trong Hình 5.

Hình 5. Điểm có trọng số chấp nhận chuyển đổi năng lượng bền vững theo các tôn giáo



Dựa trên quan điểm định tính, phân tích này cho chúng ta khả năng thiết lập sự mô tả phân loại sau đây. Những người vô thần và những người không niềm tin tôn giáo (+1,58) lo lắng về biến đổi khí hậu, họ thực hiện các mô hình tiêu thụ năng lượng bền vững, họ sẽ sống trong một thành phố thân thiện môi trường, họ sẽ có xu hướng trả thuế để trợ cấp năng lượng tái tạo và rõ ràng lựa chọn năng lượng tái tạo độc đáo. Mặc dù họ không ủng hộ các nguồn năng lượng dựa trên dầu mỏ, nhưng họ thuộc mức trung bình trong hỗ trợ bằng lời nói cho năng lượng tái tạo, hiệu quả năng lượng và tiết kiệm năng lượng. Nói chung, chúng tôi nhận thấy trạng thái liên kết và ủng hộ cho việc chuyển đổi năng lượng, chấp nhận hậu quả của quá trình chuyển đổi đó.

Những người bất khả tri (+1,16) đứng sau những người vô thần và không niềm tin tôn giáo về các hành động xã hội nhưng với đặc thù riêng của họ. Những người bất khả tri tuyên bố ủng hộ sử dụng hiệu

quả năng lượng với quy mô lớn hơn so với các loại được mô tả ở trên nhưng không đề cập cụ thể đến năng lượng tái tạo và thậm chí hơi nghiêng về năng lượng gây ô nhiễm. Do vậy, họ ủng hộ các công nghệ dầu khí với tỷ lệ lớn hơn. Trong mọi trường hợp, họ lo ngại về biến đổi khí hậu, họ tuân theo các mô hình tiêu thụ năng lượng bền vững, họ thể hiện rõ sự hỗ trợ thiết thực đối với năng lượng tái tạo thông qua việc trả thuế và tuyên bố sẵn sàng sống trong một thành phố có năng lượng sạch.

Những người tin nhưng không theo (tuyên bố xa rời giáo hội nhưng đa số khẳng định niềm tin Kitô giáo) chiếm vị trí thứ ba trong số những người ủng hộ quá trình chuyển đổi năng lượng (với điểm +0,88). Họ nói rằng họ ủng hộ các mô hình tiêu thụ năng lượng bền vững ở mức độ lớn hơn các mô hình khác. Họ ủng hộ năng lượng tái tạo độc đáo chứ không phải công nghệ dầu mỏ, mặc dù những xu hướng này còn yếu. Họ sẽ sống trong một thành phố thân thiện với môi trường nhưng không muốn trả thuế để trợ cấp cho năng lượng tái tạo. So với các biến số khác, họ ở mức trung bình.

Những người tự xác nhận thuộc một “tôn giáo khác” (+0,56) tương đối lo ngại về biến đổi khí hậu, họ ủng hộ một chút các hoạt động tiêu thụ năng lượng bền vững và nói rằng họ sẵn sàng sống trong một thành phố sinh thái. Tuy nhiên, họ không ủng hộ nhiều cho các công nghệ dầu khí, họ cũng không ủng hộ các loại năng lượng tái tạo độc đáo và không sẵn sàng đóng thuế xanh (cho sinh thái - *impôts verts*).

Những người tuyên bố là thành viên của một giáo hội truyền giáo, cũng như những người Phúc Âm và Công giáo, không có xu hướng hướng tới các hành động xã hội ủng hộ cho chuyển đổi năng lượng.

Các thành viên của các giáo hội truyền giáo (-1,20) cho thấy sự rất mâu thuẫn bởi vì họ ủng hộ sự lựa chọn sống tại một thành phố sinh thái trong tương lai và họ rất sẵn sàng trả thuế cho năng lượng sạch, nhưng họ không tán thành/tán thưởng tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng, họ thích năng lượng gây ô nhiễm hơn một chút và không đề cập tới việc sử dụng các mô hình tiêu thụ năng lượng bền vững.

Những người Phúc Âm (-1,24) theo đuổi lối sống khắc khổ, do đó

họ ủng hộ việc tiết kiệm năng lượng nhưng không sẵn sàng đóng thuế xanh. Họ có mối quan tâm lo lắng yếu hơn đối với biến đổi khí hậu, thể hiện ở việc họ ngày càng ít coi trọng hiệu quả năng lượng và năng lượng tái tạo. Họ cũng không sẵn sàng sống trong một thành phố sinh thái được quy hoạch.

Người Công giáo (-1,33) và người tự nhận là tín đồ Công giáo (-1,28) cho thấy quan điểm đối lập với sự chuyển đổi năng lượng, với một xu hướng rõ ràng hướng tới các mô hình tiêu thụ năng lượng không bền vững. Trong khi những người Công giáo ít muốn sống trong một thành phố sinh thái trong tương lai thì những người tự nhận là tín đồ Công giáo dường như có quan điểm ủng hộ công nghệ dầu khí hơn.

Phân tích chung, diễn giải và kết luận

Sự phân loại đã đưa ra bằng chứng về sự lưỡng phân. Một mặt, chúng ta thấy một bộ phận không ủng hộ chuyển đổi hướng tới sản xuất và tiêu thụ năng lượng bền vững, họ là tín đồ của các giáo hội thiết chế hóa (*églises institutionnalisées*): Công giáo, Phúc Âm, các giáo hội truyền giáo (Mormon, Chứng nhân Jehovah, Cơ Đốc Phục lâm). Mặt khác, chúng ta cũng nhận thấy những người ủng hộ chuyển đổi năng lượng, họ thuộc về nhóm không tôn giáo: những người vô thần, không đức tin và bất khả tri.

Nhóm thuộc “tôn giáo khác” tương ứng với phạm trù còn lại và do đó chúng ta không thể quy kết được họ. Tuy nhiên, chúng ta phải đề cập đến một cảnh báo mang tính phương pháp luận. Sự phân loại của chúng tôi theo logic được xây dựng riêng cho cách phân loại này: Nó làm nổi bật các đặc tính tiêu biểu dựa trên phương pháp định tính. Chúng ta không được quên rằng, những khác biệt về thống kê dựa trên đó chúng ta đã thiết lập sự phân bố các biến số, theo cách này hay cách khác, là yếu.

Vì vậy, chúng ta phải rút ra kết luận một cách chi tiết. *Thứ nhất*, nếu bạn quan sát các tín đồ tôn giáo là sinh viên đại học, điều này dường như ảnh hưởng đến định hướng liên quan tới chuyển đổi năng lượng: các Kitô hữu thuộc các hệ phái thiết chế (Công giáo, Phúc Âm, giáo hội truyền giáo) có xu hướng trở thành một trở ngại cho sự chuyển đổi năng

lượng, không giống như các lựa chọn của những người không tôn giáo. Nhưng nhìn chung đây là một xu hướng vẫn còn yếu.

Thứ hai, tư cách thành viên tôn giáo không hoàn toàn liên kết chặt chẽ với các tuyên bố về “tình cảm tôn giáo” và mối quan hệ của họ với các biến số ủng hộ sự chuyển đổi năng lượng. Trong một số trường hợp, người có tình cảm tôn giáo cao bày tỏ sự rất quan tâm lo lắng đối với biến đổi khí hậu, và trường hợp khác, người có tình cảm tôn giáo trung bình ủng hộ hành động tiêu thụ năng lượng bền vững. Cuối cùng, những người có tình cảm tôn giáo thấp lựa chọn lối sống ở những thành phố thân thiện môi trường (villes écologiques).

Tình cảm tôn giáo dường như không phải là nguyên nhân gây ra các mối liên kết rõ ràng. Trong tất cả các trường hợp, các quan sát cho thấy một thực tế rằng tình cảm tôn giáo dường như không phải là một trở ngại có hệ thống đối với quá trình chuyển đổi, cho dù tình cảm tôn giáo có thể không rõ ràng.

Một lần nữa, giống như các nghiên cứu trước đây, kết quả là chưa xác định được. Nếu tôi bắt đầu từ ý tưởng rằng niềm tin Kitô giáo và thái độ đối với môi trường không được liên kết một cách rõ ràng (Dekker và các tác giả khác, 1997), tôi đã nhận thấy rằng niềm tin Kitô giáo và tình cảm tôn giáo không thực sự liên quan đến các định hướng ủng hộ sự chuyển đổi năng lượng. Tôi đã có thể xác nhận một phần của phần thứ hai trong giả thiết chính của mình.

Chúng ta phải xem xét sự đa dạng của các mối quan hệ giữa tôn giáo và môi trường. Trong truyền thống Do thái giáo - Kitô giáo (tradition judéo - chrétiennes), chúng ta thấy có những bài giảng ủng hộ việc bảo vệ sự sáng tạo/các tạo vật và một số bài giảng khác khuyến khích việc khai thác thiên nhiên vì lợi ích của nhân loại (Vaillancourt và Cousineau, 1997; Parker, 2010a). Sự đa dạng của các mối quan hệ giữa tôn giáo và môi trường thậm chí có thể trái ngược nhau. Do đó, trong nghiên cứu này, chúng ta không ngạc nhiên khi các sinh viên đại học Chile thuộc các tôn giáo khác nhau đưa ra những ý tưởng khác nhau và đôi khi trái ngược nhau về các mô hình tiêu thụ năng lượng bền vững và chuyển đổi sang công nghệ sạch.

Quay trở lại với giả thiết ban đầu của tôi, dựa trên cơ sở định hướng chung là ủng hộ sự chuyển đổi năng lượng (nhưng yếu), tôi có thể khẳng định rằng, nhân tố tôn giáo với tư cách như một đại diện xã hội có sự ảnh hưởng, mặc dù ảnh hưởng này không mang tính quyết định và cũng không rõ ràng.

Cần phải nghiên cứu một cách chính xác hơn cách thức mà yếu tố tôn giáo được liên kết với các biến số khác liên quan đến việc hỗ trợ chuyển đổi năng lượng. Một số ý tưởng được huy động trong một số nhóm tôn giáo trong khuôn khổ các chương trình nghị sự chính trị lớn và các cá nhân chấp nhận những ý tưởng này như một phần định hướng tư tưởng của họ, nhưng không phải là định hướng và cam kết tôn giáo của họ. “Điều này phần nào giải thích tại sao định hướng chính trị thường giúp dự báo mối quan tâm lo lắng về môi trường” (Proctor và Berry, 2005: 1573). Trên thực tế, ngoài sự ảnh hưởng của tôn giáo, mặc dù yếu, các nhân tố khác dường như quan trọng để giúp giải thích như nền tảng kinh tế xã hội hoặc ý thức hệ của người trả lời (Parker, 2014), xứng đáng mở ra các nghiên cứu mới.

Cho tới nay, các mối quan hệ tôn giáo với thiên nhiên (đặc biệt là Kitô giáo) đã được phân tích theo ba dòng chảy đạo đức môi trường gắn liền với các truyền thống Kitô giáo (Kearns, 1996; Vaillancourt và Cousineau, 1997).

Dòng đầu tiên nhấn mạnh ý tưởng về sự “quản lý thiên nhiên” (gestion de la nature/ stewardship), đó là sự diễn giải Phúc Âm về sự ủy thác của Kinh Thánh trao cho con người để coi sóc Trái đất.

Dòng thứ hai nhấn mạnh đến tâm linh về sự sáng tạo (la spiritualité de la création), được truyền cảm hứng từ một quan niệm rằng con người phải tìm lại vị trí của mình trong sự sáng tạo của phiếm thần luận (création panthéiste).

Dòng thứ ba đề cập tới mối quan tâm của các Kitô hữu liên quan đến nỗi đau khổ của con người, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương nhất, bị đe dọa bởi sự bất công và thảm họa ngày càng tăng với sự ấm lên của khí hậu và khủng hoảng sinh thái. Ý tưởng này trùng hợp với công bằng/ công lý sinh thái (l'éco-justice) và phong

trào của các nhà sinh thái học đấu tranh cho sự công bằng/công lý môi trường (justice environnementale) trên thế giới (Boff, 2006, 2008).

Thật thú vị khi lưu ý rằng hai dòng “quản lý thiên nhiên” và “tâm linh về sự sáng tạo”, được gắn với chủ nghĩa bảo tồn (conservatism), đã sớm phát triển trong môi trường Kitô giáo phương Tây ở các nước phát triển, nơi ý thức về môi trường ngày càng tăng. Ý tưởng về công bằng sinh thái được hỗ trợ bởi các Kitô hữu dần thân ngày càng nhiều hơn trong các nhóm và phong trào Kitô giáo ở các nước đang phát triển, nơi việc khai thác thiên nhiên đi đôi với bóc lột xã hội.

Nghiên cứu này cho thấy sự chuyển đổi năng lượng có liên quan đến quan điểm thứ tư: Trong đó nhấn mạnh cách mà cảm hứng tôn giáo (inspiration religieuse) đưa tới các hình thức và lối sống tâm linh tránh xa các mô hình tiêu dùng. Ý tưởng này tương ứng với nhu cầu hướng tới lối sống khác khổ và dựa trên các nguồn năng lượng tái tạo như mặt trời, gió và nước.

Thật vậy, vấn đề tiêu dùng/tiêu thụ quá mức (Brown và Cameron, 2000), liên quan chặt chẽ đến mô hình tiêu dùng và lối sống, một trong những khía cạnh của cuộc khủng hoảng môi trường (Gottlieb, 2006), đã không được nghiên cứu đầy đủ về mặt thực nghiệm trong mối quan hệ liên quan đến tôn giáo. Đây là những giá trị cơ bản trong thế giới quan và lối sống phương Tây (Dekker và các tác giả khác, 1997) mà người ta tìm cách vượt qua để tiến tới sự chuyển đổi năng lượng đòi hỏi phải thay đổi cách thức tiêu dùng và lối sống.

Sinh viên, bất kể sự lựa chọn tôn giáo của họ, là những công dân đang và sẽ đóng một vai trò quan trọng (ủng hộ hoặc không ủng hộ) những thay đổi liên quan tới chuyển đổi năng lượng, sự chuyển đổi năng lượng phải đi cùng với những thay đổi trong lối sống hướng tới mô hình tiêu thụ ít hơn và bền vững hơn về mặt năng lượng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Berger PL et Luckmann T (1986) *La construcción social de la realidad* [La construction sociale de la réalité]. Buenos Aires: Amorrortu.
- Boccardo Bosoni G (2010) Tendencias de cambio en la estructura social de América Latina y el Caribe hoy. Un debate interrumpido [Tendances de changement dans la structure sociale de l'Amérique latine et des Caraïbes aujourd'hui. Une discussion interrompue] *Revista de Sociología* 23: 91-115.
- Boff L (2006) *Ecología: grito de la Tierra, grito de los pobres*. [Écologie: cri de la terre, cri du pauvre]. Madrid: Ed. Trotta.
- Boff L (2008) *La opción-Tierra: la solución para la tierra no cae del cielo*. [La possibilité-Terre: la solution à la terre ne tombe pas du ciel]. Santander: Sal Térrea.
- Brown PM and Cameron L (2000) What can be done to reduce overconsumption? *Ecological Economics* XXXII(1): 27-41.
- Castanedo Secadas c (1995) Escala para la evaluación de las actitudes pro-ambientales (EAPA) de alumnos universitarios [Échelle pour l'évaluation des attitudes pro-environnementales des étudiants des universités]. Disponible sur: <http://revistas.ucm.es/index.php/RCED/article/viewFile/RCED9595220253A/17674> (consulté le 21 juin 2015).
- Cerda UA, Leidy García p, Marcelo Díaz M et al. (2007) Perfil y conducta ambiental de los estudiantes de la universidad de Talca, Chile [Profil et comportement environnemental des étudiants de l'Université de Talca, Chili]. [En ligne] Disponible sur: <http://www.redalyc.org/pdf/399/39903506.pdf> (consulté le 2 juillet 2015).
- Château B and Rossetti di Valdalbero D (eds) (2011) *World and European energy and environment transition outlook WETO-T*. Bruxelles: Direction générale de la recherche et de l'innovation, Sciences socio-économiques et humaines, Commission Européenne.
- Creswell J (2009) *Research design, qualitative, quantitative and mixed methods approaches*. Londres: SAGE.
- Dekker P, Ester P and Nas M (1997) Religion, culture and environmental concern: An empirical cross-national analysis. *Social Compass* 44(3): 443-458.
- Ferrari L, Estrada G et Claudio A (2012) Crisis Energética Mundial: diagnóstico y alternativas. [Crise mondiale de l'énergie: diagnostic et solutions de rechange]. In: Calva JL (ed.) *Crisis Energética Mundial y Futuro de la Energía en México* [Crise mondiale de l'énergie et l'avenir de l'énergie au Mexique]. México D.F.: Consejo Nacional de Universitarios, 19-39.

- Flores RC (2013) Investigaciones de las representaciones sociales del medio ambiente en Brasil y México [Recherches des représentations sociales de l'environnement au Brésil et au Mexique]. *Actualidades Investigativas en Educación* 13(1): 1-20.
- Gauna Santamaría J (2011) Percepciones y actitudes de estudiantes universitarios sobre el medio ambiente de la UANL [Perceptions et attitudes des étudiants sur l'environnement de l'UANL]. Thèse de doctorat non publiée, Université autonome du Nuevo León, Mexique.
- Geels F (2013) Relevant referents for STRN, Sustainability Transitions Research Network. Comité directeur, juillet. Disponible sur: <http://www.transitionsnetwork.org/files/Reference%20list%20to%20transition%20publications.pdf> (consulté le 21 juin 2015).
- Gottlieb RS (2006) Introduction: Religion and ecology- What is the connection and why does it matter? In: Roger SG (ed.) *The Oxford handbook of religion and ecology*. Oxford: Oxford University Press, 3-24.
- Greeley A (1993) Religion and attitudes toward the environment. *Journal for the Scientific Study of Religion* 13(1): 19-28.
- GIEC (Groupe d'experts intergouvernemental sur l'évolution du climat) (2007) Climate change, synthesis report (AR4). Genève: GIEC, OMM, PNUE. Disponible sur: https://www.ipcc.ch/publications_and_data/publications_ipcc_fourth_assessment_report_synthesis_report.htm (consulté le 21 juin 2015).
- GIEC (Groupe d'experts intergouvernemental sur l'évolution du climat) (2014). Climate change 2014, mitigation of climate change, fifth assessment report (AR5). Groupe de travail du GIEC III. GIEC, OMM, PNUE. Disponible sur: <http://ipcc.ch/report/ar5/wg3/> (consulté le 21 juin 2015)
- Holmberg B (2011) Social representations theory, a new theory for media research. *Nordicom Review* 32(2): 3-16.
- Jenkins W and Key Chapple C (2011) Religion and environment. *Annual Review of Environment and Resources* 36: 441-463.
- Kearns L (1996) Saving the Creation: Christian environmentalism in the United States. *Sociology of Religion* 57(1): 55-70.
- Lenzen M, Wood R and Foran B (2008) Direct versus embodied energy, the need for urban lifestyle transitions. In: Droege P (ed.) *Urban energy transition, from fossil fuels to renewable power*. Amsterdam: Elsevier, 91-120.
- Moscovici S (1988) Notes towards a description of social representations. *European Journal of Social Psychology* 18: 211-250.
- Parker C (2010a) Conciencia planetaria e o caminho para novos paradigmas cidadãos e incidencia da religião [Conscience planétaire et voies vers de

- nouveaux paradigmes citoyens: incidences de la religion]. In: Passos M (ed.) *Diálogos cruzados, religião, história e construção social* (Dialogues croisés, religion, histoire et construction sociale]. Belo Horizonte, Brésil: Ed. Argumentum, 35-57.
- Parker C (2010b) Religión y cambio climático: incidencia de lo religioso en las Representaciones del Medio Ambiente [Religion et changement climatique: impact de la religion dans les représentations de l'environnement]. *Revista Caminhos* 8(2): 25-51.
- Parker C (2011a) Global warming, elites and energy in Latin America: The Chilean case. *Journal of Environmental Science and Engineering* 5(12): 1702-1714.
- Parker C (2011b) Calentamiento global y elites: entre las energías convencionales y las energías alternativas [Élites et réchauffement de la planète: entre l'énergie conventionnelle et les énergies alternatives]. In: Cubillos A et Estenssoro F (eds) *Energía y medio ambiente: Una ecuación difícil*. [Énergie et environnement: une équation difficile]. Santiago du Chili: Ed. USACH, 103-124.
- Parker C (2012) [Religion et changement climatique: impact de la religion dans les représentations de l'environnement] In: Parker C (ed.) *Religión, política y cultura en América Latina: Nuevas miradas* [Religion, politique et culture en Amérique latine: nouvelles perspectives]. Instituto de Estudios Avanzados- ACSR: Santiago du Chili, 359-386.
- Parker C (2014) Patrones sociales de consumo de energía y transición energética: un estudio empírico en estudiantes universitarios chilenos. [Des modèles sociaux de la consommation d'énergie et la transition énergétique: une étude empirique chez des étudiants universitaires chiliens]. Exposition au 8^o Congrès chilien de sociologie et Rencontre PRE-ALAS 2015, GT 15: Sociologie de la science, de la technologie et de l'innovation, Université centrale du Chili, La Serena, 22-24 octobre.
- Parker C et Muñoz J (2012) Elites universitarias y cambio climático [Élites universitaires et le changement climatique]. *Ambiente & Sociedade* 15(2): 195-218.
- Parker C, Letelier M and Muñoz J (2013) Elites, climate change and agency in a developing society: The Chilean case. *Environment, Development and Sustainability* 15: 1337-1363.
- PNUD (2013). Informe sobre desarrollo humano 2013, El ascenso del Sur: Progreso humano en un mundo diverso (Rapport sur le développement humain 2013, La hausse du Sud: progrès de l'homme dans un monde diversifié]. New York: Programme des Nations Unies pour le développement.

- Proctor Jand Berry E (2005) Social sciences on religion and nature. In: Taylor B (ed.) *Encyclopedia of religion and nature*. London, New York: Continuum, 1571-1577.
- Rasmussen LL, Laurendeau NM and Solomon D (2011) Introduction to 'The energy transition Religious and cultural perspectives'. *Zygon* 46(4): 872–889.
- Reusswig F, Lotze-Campen H and Gerlinger K (2004) Changing global lifestyle and consumption patterns. The case of energy and food. New York : Potsdam Institute for Climate impati Research
- Rohracher H (2008) Energy systems in transitions: contributions from social sciences. *International Journal of Environmental Technology and Management* 9(2-3): 144-161.
- Sánchez Miranda MP, de la Garza González A et Octavio López Ramírez E (2009) La identidad y actitud hacia el medio ambiente en estudiantes de biología y psicología [L'identité et l'attitude envers l'environnement chez des étudiants de biologie et de psychologie]. Disponible sur: <http://www.psicologiacientifica.com/identidad-actitud-hacia-el-medio-aiTibiente-estudiantes/> (consulté le 21 juin 2015).
- Schultz W and Zelezny L (1999) Values as predictors of environmental attitudes: Evidence for consistency across 14 countries. *Journal of Environmental Psychology* 19: 255-265.
- Seyfang G (2009) *The new economics of sustainable consumption*. Hampshire, Londres : Palgrave Macmillan.
- Tucker ME and Grim J (2001) Introduction: The emerging alliance of world religions and ecology. *Daedalus, Journal of the American Academy of Arts and Sciences*, Automne 2001. Disponible sur: <https://www.amacad.org/content/publications/pubContent.aspx7d1289> (consulté le 21 juin 2015).
- Vaillancourt J-G and Cousineau M (1997) Religion and environment Introduction. *Social Compass* 44(3): 315-320.
- Vilches A, Gil Pérez D, Toscano JC et al. (2014) La transición energética. Una nueva cultura de la energía [La transition énergétique. Une nouvelle culture de l'énergie]. Disponible sur: <http://www.oei.es/decada/accion.php?accion=023> (consulté le 2 juillet 2015).
- White L Jr (1967) The historical roots of our ecological crisis. *Science* 155 (3767): 1203- 1207.

Người dịch: **Hoàng Thị Bích Ngọc**
Viện Nghiên cứu Tôn giáo